TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 19/2019/HSST Ngày 10-4-2019	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Thư

2. Ông Đinh Quốc Phong

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Đỗ Trọng Tú -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 10/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2019/TLST-HS, ngày 11/3/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXX-ST ngày 28/3/2019 đối với:

Bị cáo **Phạm Văn S** -sinh 1992 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; cư trú tại: Khu T 02, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Phạm Văn L (Đã chết) và bà Hoàng Thị L- sinh năm 1962; có vợ là Thèn Thị B- sinh năm 1993 và chưa có con; tiền sự: Không; tiền án: có 02, cụ thể: Tại bản án số 61/2012/HSPT, ngày 20/4/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt Phạm Văn S 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 12 tháng tù về tội "Trốn khỏi nơi giam", tổng hợp hình phạt chung là 45 tháng tù (Chấp hành án xong ngày 03/6/2015) và tại bản án số 33/2015/HSST, ngày 26/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ xử phạt Phạm Văn S 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm

cắp tài sản" (Chấp hành án xong ngày 12/11/2017); danh chỉ bản số 158 do Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 17/7/2018; bị bắt tạm giữ ngày 23/12/2018, chuyển tạm giam ngày 26/12/2018 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Người bị hại: Chị Lê Thị T - sinh năm 1970; cư trú tại: Khu 03, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Vi Văn L - sinh năm 1986; cư trú tại: Khu 11, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ.Vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị L - sinh năm 1962; cư trú tại: Khu T 02, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Mẹ đẻ bị cáo Phạm Văn S). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ 10 phút ngày 09/07/2018, Phạm Văn S - sinh năm 1992, nơi cư trú: Khu T 2, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ đi bộ một mình đến nhà nghỉ S ở khu 3, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ để thuê phòng nghỉ. Khi S đến nhà nghỉ S thì có anh Nguyễn Quế L – sinh năm 1969, là chủ nhà nghỉ đang ở đó. S nói với anh L cho thuê một phòng để nghỉ. Anh S đồng ý và giao chìa khoá phòng số 206 ở tầng một cho S. S vào phòng và ngủ đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì dậy. Do điện thoại di động của S hết pin nên S đi ra ngoài quầy lễ tân mượn dây sạc điện thoại để sạc pin. Tại quầy lễ tân, S gặp chị Lê Thị T – sinh năm 1970 (là vợ của anh L). S hỏi mượn chị T dây sạc điện thoại nhưng chị T không có nên Sơn có hỏi mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu vàng gold của chị T để gọi điện cho bạn. Do có quen biết với S nên chị T đã đưa chiếc điện thoại Iphone 5S màu vàng gold cho S. Khi mượn được điện thoại của chị T, S đi vào phòng nghỉ và tháo sim điện thoại của chị T ra và lắp sim số 0987.095.105 của S vào rồi gọi cho T ở xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (T là bạn của S) bảo T đến đón S nhưng T từ chối. Khoảng 15 phút sau, S đi ra quầy lễ tân nhưng không có ai ở đó nên, S nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động vừa được mượn của chị T. S liền đi ra khỏi nhà nghỉ và gọi điện cho anh Đoàn Văn Y – sinh năm 1988, nơi cư trú: Khu T 1, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ, làm nghề xe ôm đến đón S. Khoảng 10 phút sau, anh Y đến cổng nhà nghỉ S đón S. S bảo với anh Y trở lên thị trấn S. Khi đi đến cổng Huyện đội C thì S xuống xe. Sau đó, S đi bộ đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại của anh Vi Văn L - sinh năm 1986 ở khu 11, thị trấn S,

huyện C, tỉnh Phú Thọ. Tại đây, S đã bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s của chị T cho anh L với giá 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng). S nhận tiền và đã tiêu sài cá nhân hết. Còn chị T sau khi phát hiện mất điện thoại đã báo Công an xã Y và Công an huyện C giải quyết.

Ngày 10/7/2018, anh Vi Văn L đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu vàng gold mà anh L mua của S ngày 09/07/2018. Khi mua điện thoại Anh L không biết đó là tài sản do S phạm tội mà có. Cùng ngày, Phạm Văn S đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra đã thu giữ 01 (một) chiếc sim điện thoại số 0961.391.622 của chị Nguyễn Thị T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 51 ngày 10/07/2018 (Bút lục số 18) thể hiện: Chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S, màu vàng gold, số IMEI 358808059864706 đã qua sử dụng ở thời điểm định giá còn giá trị 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngày 31/7/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại cho chị T chiếc điện thoại kèm theo 01 sim có số 0961.391.622 và chị T không có yêu cầu gì khác.

Về trách nhiệm dân sự, quá trình giải quyết vụ án, gia đình bị cáo Phạm Văn S đã trả lại cho anh Vi Văn L số tiền 1.200.000đ mà anh L đã mua chiếc điện thoại. Anh L không yêu cầu bồi thường gì khác.

Trong vụ án này, do tài sản chiếm đoạt của bị can có giá trị dưới 4.000.000đ, nên 01 tiền án trên được sử dụng làm yếu tố định tội của lần phạm tội này.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS, ngày 08/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã quyết định truy tố Phạm Văn S về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

1.Tuyên bố bị cáo Phạm văn S phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm a Khoản 1 Điều 175; Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 và Khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S từ 18 đến 24 tháng tù.

2.Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự

Xác nhận gia đình bị cáo Phạm Văn S đã hoàn trả cho anh Vi Văn L 1.200.000đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã giao trả cho chị Lê Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu vàng Gold đã qua sử dụng, 01 sim điện thoại Viettel số 0961391622 (Theo biên bản giao trả tài sản ngày 31/7/2018 lưu trong hồ sơ vụ án).

3. Về án phí:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phạm Văn S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và có lời nói sau cùng là: Bị cáo rất ân hận về hành vi của bản thân và cam đoan không bao giờ vi phạm pháp luật hoặc phạm tội nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về căn cứ buộc tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/7/2018, tại nhà nghỉ S thuộc khu 03, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi được chủ sở hữu tài sản

tin tưởng cho mượn tài sản, bị cáo Phạm Văn S đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và thực tế đã chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s đã qua sử dụng, trị giá 1.200.000đồng của chị Lê Thị T. Mặc dù tài sản bị chiếm đoạt có giá trị dưới bốn triệu đồng, nhưng bị cáo S có 02 tiền án về tội quy định tại điều 173 của Bộ luật hình sự, trong đó có 01 tiền án được dùng làm tình tiết định tội đối với bị cáo, nên hành vi nêu trên của bị cáo S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 175 của Bộ luật hình sự. Do vậy, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Phạm Văn S là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; xâm phạm trật tự, an toàn xã hội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[4]. Về nhân thân: Bị cáo không có tiền sự, nhưng có 02 tiền án. Điều này chứng tỏ bị cáo còn có ý thức coi thường pháp luật và các hình phạt áp dụng trước đây chưa đủ sức răn đe giáo dục đối với bị cáo.

[5]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là: Tái phạm và được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự là: Thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải, 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự là: Đầu thú.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo và xem xét đến việc bị cáo S đã bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra. Đồng thời, để phục vụ công tác đấu tranh chống, phòng ngừa chung tội phạm và tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là áp dụng hình phạt tù với mức đủ để bị cáo tỉnh ngộ, sớm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 175 của Bộ luật hình sự, thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng. Tuy nhiên, kết quả xác minh của Cơ quan điều tra và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có tài sản riêng, thu nhập thấp và không ổn định. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo S.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đề cập giải quyết. Tại phiên tòa, bị cáo S xác định mẹ đẻ bị cáo là bà Hoàng Thị L đã trả cho anh Vi Văn Long 1.200.000đồng, cần xác nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Tài sản bị chiếm đoạt là 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5s đã được Cơ quan điều tra thu hồi và giao trả cho chủ sở hữu, cần xác nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, anh Vi Văn L mua điện thoại từ bị cáo S nhưng anh L không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh L là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn S phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm a Khoản 1 Điều 175; Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 và Khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 23/12/2018.

2.Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự

Xác nhận gia đình bị cáo Phạm Văn S đã hoàn trả cho anh Vi Văn L 1.200.000đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã giao trả cho chị Lê Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu vàng Gold đã qua sử dụng, 01 sim điện thoại Viettel số 0961391622 (Theo biên bản giao trả tài sản ngày 31/7/2018 lưu trong hồ sơ vụ án).

3. Về án phí:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phạm Văn S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện Cẩm Khê;
-VKSND tỉnh Phú Thọ;
-CQCSĐT CA huyện Cẩm Khê;
-THADS huyện Cẩm khê;
-THAHS;
-Bị cáo;
-Người tham gia tố tụng khác;
-Lưu hồ sơ+VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng